TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Quyên và bà Mai Thị Thảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Thùy L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số nhà B, đường C, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản của Tòa án: Anh Lý Việt B, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ thường trú: Khu dân cư S, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trương Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào

ngày 07/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên năm 2023 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tuy nhiên do vợ chồng sống xa cách, không có nhiều thời gian dành cho nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, chị và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2024 đến nay, chị và anh T không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 chung là Bùi Minh K, sinh ngày 03/7/2023. Hiện cháu K đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Bùi Văn T ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Vũ Thị T1 (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Sau khi kết hôn, chị L và anh T sống cùng bà tại phường P, thành phố C. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau khi chị L sinh con được hơn 01 tháng thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Nghệ An sinh sống, từ đó không quay lại nhà bà nữa. Anh Tú đã gặp và động viên chị L về ở cùng anh T nhưng chị L không đồng ý. Khoảng tháng 11/2023, anh T đi lao động tại Nhật Bản. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh Tú xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin ly hôn, anh T đồng ý. Về con chung: Anh Tú xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 03/7/2023 cho chị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh T vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Thùy L ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Giao cho chị

L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 03/7/2023 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Bùi Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị L và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị L và gia đình anh T không cung cấp được. Bà Vũ Thị T1 là mẹ đẻ anh T xác định anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bà, chị L có đơn xin ly hôn, anh T đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thùy L và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/10/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Năm 2023 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm phai nhạt, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ năm 2024 đến nay, chị L và anh T không còn liên lạc với nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh T có quan điểm đồng ý ly hôn chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, anh

chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị Thùy L và anh Bùi Văn T có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 03/7/2023, hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị L và anh T đều có quan điểm giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, anh T nhất trí. Xét thấy sự thỏa thuận của chị L và anh T là tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị Thùy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy L về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Thùy L ly hôn anh Bùi Văn T.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trương Thị Thùy L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 03/7/2023 kể từ tháng 05/2025 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Thùy L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do anh Lý Việt B nộp thay, theo biên lai thu tiền

số 0001722 ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Thùy L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Bùi Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Quyên **Mai Thị Thảo** **Nguyễn Văn Chất**